TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HS-ST
Ngày 08-05-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V - TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ toạ phiên toà ông: Cù Văn Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lục Thị Nhung

Bà Trần Thị Hoài.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Cao Thị Hồng - Thư ký Toà án nhân dân huyện V, tỉnh H.

- *Đại diện VKSND huyện V, tỉnh H tham gia phiên toà*: Bà Phạm Đài Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2023/TLST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST-HS ngày 19/4/2023 đối với bị cáo:

Giàng Văn Đ; Tên gọi khác: Không, Sinh ngày 03 tháng 7 năm 2003. Tại huyện V, tỉnh H; Nơi cư trú thôn Ng, xã B, huyện V, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Hmông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Giàng A D, sinh năm 1959 và bà Lý Thị D1, sinh năm 1963; Vợ, con: Chưa có; Anh, chị, em ruột: Có 8 anh chị em, bị cáo là con thứ sáu trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 16/01/2023. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh H. (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Giàng Văn Đ – Bà Bùi Thị H, Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H**.** (Có mặt).

Bị hại: Anh Chấu Chỉn L, sinh năm 1993; Nơi cư trú: thôn Kh, xã Ng, huyện V, tỉnh H. (có mặt)

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*Anh Chú Mí T, sinh năm 1996; Nơi cư trú: thôn V, xã Tr, huyện Y, tỉnh T. (Anh T đã có đơn xin xét xử vắng mặt, ghi ngày 04/5/2023).

Người làm chứng: Ông Vàng Seo P, sinh năm 1972; Nơi cư trú: thôn N, xã Ng, huyện V, tỉnh H. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 15 phút, ngày 04/12/2022 Giàng Văn Đ, *sinh ngày 03/07/2003; Nơi cư trú: Thôn Ng, xã B, huyện V, tỉnh H*, đi bộ từ thị trấn V đến thôn Kh, xã Ng, huyện V, tỉnh H, nhìn thấy có 03 chiếc xe mô tô đang dựng trong sân gia đình Chấu Chỉn L, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Thôn Kh, xã Ng, huyện V, tỉnh H, Giàng Văn Đ quan sát không có người nên đã nảy sinh ý định trộm cắp, Đ lấy điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh, bật đèn soi thì thấy chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa xe mô tô mang biển kiểm soát 23B1-289.xx, nhãn hiệu: YAMAHA SIRIUS, màu sơn: Đỏ đen, Đông ngồi lên xe mô tô biển kiểm soát 23B1-289.xx và tắt đèn điện thoại, dùng tay phải vặn chìa khóa, khởi động máy và điều khiển xe đi đến thôn V, xã B, huyện C, tỉnh B chơi. Khoảng 08 giờ 00 phút, ngày 20/12/2022, bị cáo Đ mang xe mình đã trộm cắp đến quán sửa xe mô tô tại thôn P, xã Tr, huyện Y, tỉnh T để cầm cố cho Chú Mĩ T, sinh ngày 02/11/1996, Nơi thường trú: Thôn V, xã Tr, huyện Y, tỉnh T với số tiền là 1.900.000 đồng (*một triệu chín trăm nghìn đồng*), bị cáo đã tiêu sài cá nhân hết. Đến ngày 27/12/2022, Chấu Chỉn L phát hiện chiếc xe mô tô biển kiểm soát 23B1-289.xx bị mất tại quán sửa chữa xe mô tô của anh T, nên đã đến Công an xã Tr, huyện Y, tỉnh T, trình báo vụ việc và Công an xã Tr đã chuyển vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V để điều tra theo thẩm quyền.

*** Kết quả trưng cầu giám định:**

- Tiến hành trưng cầu giám định đối với số khung, số máy của xe mô tô nhãn hiệu: YAMAHA SIRIUS, màu sơn: Đỏ đen, BKS: 23B1-289.xx. Tại bản kết luận giám định số: 21/KL - KTHS ngày 03/01/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H kết luận:

+ Trên bề mặt kim loại tại vị trí đóng hàng số khung của xe mô tô gửi giám định bị tác động tẩy xóa hoàn toàn; quá trình giám định xác định được số khung nguyên thủy của xe là RLCS5C6J0GY221XXX.

+ Trên bề mặt kim loại tại vị trí đóng hàng số máy của xe mô tô gửi giám định bị tác động tẩy xóa hoàn toàn; quá trình giám định xác định được số máy nguyên thủy của xe là 5C6J2214XX.

- Tiến hành trưng cầu giám định tài liệu là Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 025542, tên chủ xe: Lục Thị T, sinh năm 1975, địa chỉ: thôn N, xã K, huyện V, tỉnh H, biển kiểm soát đăng ký: 23B1-289.xx, nhãn hiệu: YAMAHA, số máy: 5C6J221464, số khung: C6J0GY221XXX, Nơi cấp: Phòng cảnh sát giao thông – Công an tỉnh H, cấp ngày 12 tháng 11 năm 2016.

Tại bản kết luận giám định số: 22/KL-KTHS ngày 02/01/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H kết luận: Phương pháp in trên phôi chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy gửi giám định ký hiệu A và phương pháp in trên phôi chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mẫu so sánh ký hiệu M có cùng phương pháp in tương ứng, Chứng nhận xe mô tô, xe máy số 025542 là thật.

*** Kết quả định giá tài sản:** Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 10/01/2023 của Hội đồng Định giá trong tố tụng Hình sự huyện V kết luận: 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát: 23B1- 289.xx, nhãn hiệu: YAMAHA, số loại: SIRIUS, loại xe: Hai bánh, màu sơn: Đỏ Đen, số máy: 5C6J2214xx, số khung: C6J0GY221xxx, đăng ký lần đầu: 10/11/2016 (xe đã qua sử dụng) có giá trị là: 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*).

Trước Cơ quan điều tra, bị cáo Giàng Văn Đ đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản xác định hiện trường, lời khai của bi hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra đã thu giữ:

- 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát: 23B1 - 289.25, nhãn hiệu: YAMAHA, số loại: SIRIUS, loại xe: Hai bánh, màu sơn: Đỏ Đen, số máy: 5C6J2214xx, số khung: C6J0GY221xxx, đăng ký lần đầu: 10/11/2016 (xe đã qua sử dụng).

- 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô số 0255xx, tên chủ xe: Lục Thị T, sinh năm 1975, địa chỉ: N, xã K, V, H, biển kiểm soát đăng ký: 23B1-289.xx, nhãn hiệu: YAMAHA, số loại: SIRIUS, màu sơn: Đỏ đen, số máy: 5C6J2214xx, số khung: C6J0GY221xxx, nơi cấp: Phòng cảnh sát giao thông – Công an tỉnh H, cấp ngày 12 tháng 11 năm 2016.

- 01 (một) chìa khóa xe mô mô, đầu chìa bằng nhựa màu đen, có chữ YAMAHA.

Căn cứ vào kết quả điều tra, xác định: Nguồn gốc xe mô tô biển kiểm soát: 23B1 - 289.25 là rõ ràng, xét không cần phải tạm giữ thêm, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V tiến hành trả cho chủ sở hữu là Chấu Chỉn L (*kèm theo chứng nhận đăng ký xe mô tô và chìa khóa xe mô tô*) để quản lý, sử dụng.

Còn lại vật chứng gồm: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu: VIVO, màu xanh (đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong của điện thoại) được chuyển đến cơ quan Thi hành án dân sự huyện V để quản lý theo quy định.

Về phần dân sự: Bị hại Chẩu Chỉn L yêu cầu bị cáo Giàng Văn Đ chi trả 5.000.000đ bao gồm: 10 ngày công đi tìm và tiền hao mòn xe. Trong quá trình điều tra các bên liên quan trong vụ án chưa tiến hành thỏa thuận để giải quyết về phần dân sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chú Mĩ T không yêu cầu bị cáo phải bồi hoàn lại số tiền cầm cố , nên cơ quan điều tra Công an huyện V không xem xét xử lý.

Tại cáo trạng số: 15/CT-VKS ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh H. Quyết định truy tố đối với: Bị cáo Giàng Văn Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V thực hành quyền công tố tại phiên tòa ngày hôm nay, có quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Với các tài liệu đã được củng cố để chứng minh cho hành vi phạm tội của bị cáo, hành vi của bị cáo Đ đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo gây mất trật tự an ninh trên địa bàn, trực

tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của công dân cần phải được xử lý một cách thỏa đáng. Vì vậy đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Về tội danh: Tuyên bố xử bị cáo Giàng Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Giàng Văn Đ từ 07 tháng đến 10 tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 16/01/2023. Tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo Giàng Văn Đ không có nghề nghiệp, chưa có vợ và đang sống chung với bố mẹ, gia đình thuộc hộ nghèo, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự. Chấp nhận sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại. Bị cáo phải bồi thường 3.000.000đ (ba triệu đồng) cho bị hại theo thỏa thuận.

Về vật chứng: Quá trình điều tra có thu giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu: VIVO, màu xanh. Việc bị cáo có dùng đèn để soi ổ khóa trước khi lấy trộm chiếc xe, nhưng việc mua điện thoại chỉ dùng vào mục đích nghe gọi, nên cần tuyên trả cho bị cáo.

Về án phí: Bị cáo Đ là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, bị cáo không có vợ con, không có thu nhập và gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí, cho nên bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14 theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH "Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án".

Quyền kháng cáo: Theo quy định pháp luật tại Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự

Phần tranh luận tại phiên tòa:

Người bào chữa cho bị cáo Đ là bà Bùi Thị H có quan điểm nhất trí quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đưa ra về tội danh xử bị cáo Giàng Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được nhà nước bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu về an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi vi phạm của mình. Do đó, việc bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố về tội "Trộm cắp tài sản" là có cơ sở và việc Tòa án nhân dân huyện V đưa vụ án ra xét xử ngày hôm nay là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về trách nhiệm hình sự:

Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS.

Trong suốt quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải về hành vi vi phạm của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, khoản 1 điều 51 BLHS.

Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, trước khi phạm tội, bị cáo lại là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên hiểu biết pháp luật còn nhiều hạn chế. Ở vụ án này, phải xét đến lỗi một phần là do bị hại, chính sự quản lý tài sản lỏng lẻo, mất cảnh giác bị hại đã phần nào tạo điều kiện để bị cáo thuận lợi thực hiện hành vi vi phạm của mình. Bị hại cũng đã nhận lại được xe của mình nên không có thiệt hại về tài sản.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại tại phiên tòa.

Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12, điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của tòa án, quy định: "*Trẻ em; cá nhân thuộc hộ nghèo, cận nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; thân nhân liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ"*. Trong vụ án này bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Bị cáo có đơn xin miễn án phí. Do đó tôi đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn toàn bộ án phí sơ thẩm đối với bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về tội danh: tuyên bị cáo Giàng Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

+ Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s, khoản 1, 2 Điều 51, Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Giàng Văn Đ 06 tháng tù.

+ Về dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên.

+ Hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung.

+ Vật chứng: Đề nghị HDDXX xem xét trả lại 01 điện thoại cho bị cáo.

+ Về án phí: áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát không đồng tình quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Đ về các tình tiết áp dụng điểm i,s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đ là không phù hợp.

Bị cáo Đ có ý kiến nhất trí với quan điểm của của người bào chữa phát biểu tại phiên tòa.

Quyền của bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo Đ nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo Đ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án HĐXX nhận thấy Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên đã thực hiện hành vi, quyết định tố tụng về khởi tố vụ án, khởi tố bị can, biện pháp tạm giam đối với bị cáo, ra quyết định truy tố; thu thập chứng cứ tài liệu, vật chứng đã khách quan, phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Dựa vào lời khai của bị cáo Đ. Tại phiên tòa và các lời khai có trong hồ sơ thể hiện rõ hành vi phạm tội của bị cáo, phù hợp với biên bản xác định hiện trường, lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Trong lúc tài sản không ai trông coi, bị cáo đã lấy lấy trộm xe mô tô và đến thôn V, xã B, huyện C, tỉnh B để chơi, khi đã không có tiền tiêu thì bị cáo đã mang xe mô tô biển kiểm soát: 23B1- 289.xx, nhãn hiệu: YAMAHA đến quán sửa chữa xe của anh Chú Mĩ T ở thôn V, xã Tr, huyện Y, tỉnh T cầm cố được 1.900.000đ lấy tiền tiêu sài cá nhân hết, chỉ khi bị hại Chấu Chỉn L đến nơi và phát hiện mới báo công an huyện Y, tỉnh T rồi vụ án được chuyển về Công an huyện V điều tra làm rõ, rồi khởi tố vụ án hình sự theo tội trộm cắp tài sản. Do vậy HĐXX đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Giàng Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Như đại điện Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

1. *Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*".

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm tới tài sản của người khác, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội, cho nên cần phải được xử lý nghiêm theo luật hình sự để giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên tội phạm mà bị cáo thực hiện là đơn giản, giá trị không lớn và bị cáo đã thành khẩn khai báo, cho nên xét cũng không nhất thiết phải áp dụng hình phạt quá cao vì bị cáo không có tình tiết tăng nặng và có nhân thân tốt.

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị cáo Đ chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo là dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo, bị cáo có nhân thân tốt, cho nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt khi lượng hình theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Giàng Văn Đ là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, là lao động tự do, cho nên không có nguồn thu nhập ổn định, gia đình thuộc hộ nghèo. Vì vậy không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo Đ.

[6] Hội đồng xét xử không nhất trí với quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Đ về các tình tiết đề nghị áp dụng điểm i,s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đ là không phù hợp. Vì bị cáo Đ đã lấy trộm được tài sản và đem đi tiêu thụ, cho nên không thể áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS, chỉ được hưởng điểm i,s khoản 1 Điều 51 BLHS vì phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và thật thà khai báo, nên chấp nhận hình phạt mà kiểm sát viên đưa ra.

[7] *Về phần dân sự:* Quá trình trộm cắp tài sản, bị cáo đã mang đi cầm cố lấy 1.900.000đ để phục vụ cho mục đích cá nhân của mình. Tuy vậy, trong quá trình điều tra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Chú Mĩ T không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền này, nên Hội đồng xét xử không xem xét, chỉ có bị hại là anh Chấu Chỉn L phải mất 6 công đi tìm kiếm với chi phí là 3.000.000đ và xe bị hư hỏng yêu cầu bị cáo phải chịu 2.000.000đ, nhưng không đưa ra được số liệu về sửa chữa, thay thế. Tuy nhiên tại phiên tòa, bị hại chỉ yêu cầu bị cáo phải chịu tiền công là 3.000.000đ. Đây là sự thỏa thuận tự nguyện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận này.

[8] *Về vật chứng*: Quá trình điều tra đã thu giữ được một xe mô tô, một chứng nhận đăng ký và một chiếc chìa khóa,. Khi đã làm rõ thì cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là ông Chấu Chỉn L, còn lại một điện thoại nhãn hiệu VIVO màu xanh đã qua sử dụng được chuyển đến cơ quan thi hành án dân sự huyện V bảo quản. Đây là điện thoại của bị cáo Giàng Văn Đ đã dùng đèn của điện thoại này để soi xe, cho nên cần áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[9] (Tình trạng vật chứng như biên bản bàn giao giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V ngày 03/4/2023)

[10] Về án phí: Bị cáo Đ có đơn xin miễn giảm án phí và là dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc diện hộ nghèo. Nên được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm. Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14 theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH "Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án".

[11] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án; theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1.Về tội danh và hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Áp dụng: khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14 theo Nghị quyết số 326/2016-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH "quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Tuyên bố bị cáo Giàng Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản". Xử phạt bị cáo Giàng Văn Đ 08 (Tám) tháng tù giam. Thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 16/01/2023. Giam tiếp bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo Giàng Văn Đ.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Giàng Văn Đ phải bồi thường cho ông Chấu Chỉn L; Địa chỉ: thôn Kh, xã Ng, huyện V, tỉnh H số tiền là 3.000.000đ (ba triệu đồng) tiền công đi tìm xe máy.

" Khoản tiền nói trên kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điwwù 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".

3.Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu: ViVo, màu xanh, màn hình bị vỡ, điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong của điện thoại.

(Tình trạng vật chứng như biên bản bàn giao giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V ngày 03/4/2023)

4.**Về án phí**: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14 theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH "Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án". Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo Giàng Văn Đ.

5. **Quyền kháng cáo:** Báo cho bị cáo, bị hại có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08-5-2023).

Báo cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T-M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện V;
- VKSND tỉnh H;

- Công an huyện V;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Sở tư pháp;
- Chi cụcThi hành án dân sự huyện V;
- Lưu hs, hstha, vp.

Cù Văn Minh